

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 04 THÁNG 6 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>357 487</b>	<b>146 938</b>	<b>210 549</b>			
<b>I</b>	<b>CẢNG CHÍNH</b>						<b>80 761</b>	<b>18 917</b>	<b>61 844</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>7 500</i>	<i>7 356</i>	<i>145</i>			
1	ĐẠM HÀ BẮC	01/6	365/6	11/6	QN 4140	CÁM 4A.1	1 800	1 791	9	04/6	HỘ LỚN	MÓN: 1.773,54
2	MIKADO	03/6	1437/6	10/6	BN 2978	CỤC 5A.1	2 000	1 874	127	04/6	TD	THAY 1397/5
3	VINA CARBON	03/6	1442/6	10/6	BN 1666	CÁM 1	1 000	997	3	04/6	TD	
4	VĨNH THẮNG	02/6	1430/6	09/6	BN 2228	CÁM 4A.1	1 000	996	4	04/6	TD	
5	SXTM TUB	03/6	1389/5	10/6	HD 2266	CÁM 4B.1	1 700	1 698	2	04/6	TD	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>31 740</i>	<i>11 562</i>	<i>20 179</i>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	30/5	356/5		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.1	29 100	10 171	18 929	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
2	ĐẠM HÀ BẮC	04/6	370/6	14/6	QN 4114	CÁM 4A.1	1 700	843	857	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
3	VTT	01/6	1330/5	08/6	HD 2225	CỤC XỎ 1C	940	548	392	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L2
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<i>41 521</i>		<i>41 521</i>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	01/6	366/6		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	
2	KDT HẢI PHÒNG	02/6	1354/5	12/6	BN 3339	CÁM 5A.1	1 969		1 969		PTCB	GIA HẠN L1
3	KDT HẢI PHÒNG	02/6	1355/5	12/6	BN 2012	CÁM 5A.1	1 972		1 972		PTCB	GIA HẠN L1
4	CROMIT	01/6	1340/5	08/6	BN 1798	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
5	HÀNG HẢI VŨ	01/6	1331/5	08/6	NB 8707	CỤC XỎ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L2
6	SXTM TUB	01/6	1388/5	08/6	BN 1968	CÁM 4B.1	1 300		1 300		TD	GIA HẠN L1
7	DVVT QN	02/6	1412/5	09/6	BN 2518	CÁM 4B.1	1 680		1 680		TD	GIA HẠN L1
8	ĐTTM&DV	02/6	1433/6	09/6	BN 3040	CÁM 4B.1	1 700		1 700		TD	THAY 1390/5
9	DVVT QN	02/6	1434/6	09/6	BN 2706	CÁM 4B.1	1 550		1 550		TD	THAY 1418/5
10	CẦU ĐUÔNG	03/6	1399/5	10/6	BN 2112	CÁM 4B.1	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
11	TRƯỜNG ANH 888	03/6	1439/6	10/6	QN 7535	CÁM 4B.1	1 150		1 150		TD	
12	TNV HẢI DƯƠNG	04/6	1289-C/5	11/6	BN 0679	CỤC XỎ 1C	1 200		1 200		TD	
	<b>Tàu chuyển tải</b>						<b>160 450</b>	<b>88 234</b>	<b>72 216</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>41 250</i>	<i>41 131</i>	<i>119</i>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	25/5	342-B/5		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250	41 131	119	04/6	HỘ LỚN	KDTCP: 16.938,11 - CLM: 14.996,12 - KVCP: 9.290,29
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>91 800</i>	<i>47 103</i>	<i>44 697</i>			
1	ĐIỆN VŨNG ÁNG	23/5	340/5		QUANG VINH 188	CÁM 5A.10	22 800	20 502	2 298	RÓT DỖ	HỘ LỚN	CLM: 17.000 - KVDB: 5.800
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/5	345/5		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CÁM 6A.1	23 300	16 600	6 700	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTTG: 15.000 - KVCP: 8.300
3	ĐIỆN VŨNG ÁNG	29/5	351/5		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300	10 001	13 299	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 10.001,23 - CLM: 13.000

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 6 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
4	ĐIỆN VŨNG ÁNG	01/6	367/6		VIỆT THUẬN 235-06	CÁM 5A.14	22 400		22 400		HỘ LỚN	KDTC: 8.000 - CLM: 9.000 - TTHG: 5.400
	<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						27 400		27 400			
1	ĐIỆN VĨNH TẤN 1	02/6	368/6		HTK CONFIDENCE	CÁM 6A.1	27 400		27 400		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 - KVCP: 7.400
<b>II</b>	<b><u>KHO G9-HÓA CHẤT</u></b>						<b>17 024</b>	<b>6 009</b>	<b>11 015</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						6 524	6 009	515			
1	CROMIT	01/6	1416/5	08/6	CHÍ THÀNH 68	CÁM 4A.1	2 612	2 417	195	04/6	PTCB	NGUỒN CS
2	KDT HẢI PHÒNG	03/6	1416/5	16/6	HP 6863	CÁM 4A.1	2 612	2 299	313	04/6	PTCB	NGUỒN CS
3	SXTM TUB	01/6	1176/4	08/6	BN 1883	CỤC 1B	1 300	1 293	7	04/6	TD	NGUỒN ĐN-CS
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						1 000		1 000			
1	KDT HÀ NỘI	01/6	1362/5	08/6	BN 1862	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						9 500		9 500			
1	TRƯỜNG ANH 888	04/6	1146B/4	11/6	BN 2056	CỤC 1B	1 072		1 072		TD	NGUỒN ĐN-CS
2	XDCN MỎ	01/6	1179/4	08/6	BN 0719	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
3	KDT HẢI PHÒNG	01/6	1358/5	08/6	BN 1835	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
4	ĐTTM&DV	01/6	1383/5	08/6	BN 1309	CỤC 1C	1 128		1 128		TD	NGUỒN KC
5	ĐTTM&DV	01/6	1402/5	08/6	BN 1468	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN MD
6	VTA	04/6	1455/5	11/6	BN 2335	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN TN
7	MIKADO	01/6	1417/5	08/6	VIỆT THUẬN-TĐ 06	CÁM 4A.1	3 000		3 000		TD	NGUỒN CS
<b>III</b>	<b><u>KHO BẢO NGUYÊN</u></b>						-	-	-			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
<b>IV</b>	<b><u>KHO CẢNG KM6</u></b>						<b>34 952</b>	<b>18 043</b>	<b>16 909</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						17 911	17 802	109			
1	CROMIT	02/6	1 432	12/6	TUẤN MINH 36	CÁM 5A.1	3 700	3 674	26	04/6	PTCB	
2	KDT MIỀN BẮC	03/6	1 438	13/6	TB 1619	CÁM 5B.1	2 600	2 592	8	04/6	PTCB	
3	KDT MIỀN BẮC	04/6	1 445	14/6	NĐ 4349	CÁM 5B.1	2 350	2 343	7	04/6	PTCB	
4	KDT MIỀN BẮC	04/6	1 452	14/6	HP 4910	CÁM 6B.1	2 155	2 144	11	04/6	PTCB	
5	ĐTTM&DV	03/6	1 441	13/6	BN 2519	CỤC 1B	1 000	990	10	04/6	TD	NGUỒN QH
6	DVVT QN	04/6	1 451	11/6	HP 6739	BÚN 3C	1 070	1 046	24	04/6	TD	NGUỒN QH
7	KVĐB	03/6	1 435	13/6	CỬA ỚNG 09	CÁM 6A.1	2 300	2 281	19	04/6	CHUYÊN VÙNG	
8	KVĐB	03/6	1 443	13/6	VIỆT NHẬT 19	CÁM 6A.1	2 736	2 733	3	04/6	CHUYÊN VÙNG	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 04 THÁNG 6 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
1	KDT HÀ BẮC	03/6	1 436	13/6	BN 2799	CÁM 6A.1	2 740	242	2 498	RÓT DỖ	PTCB	
2	KDT MIỀN BẮC	04/6	1 446	14/6	HP 6690	CÁM 6B.1	2 226		2 226		PTCB	
3	KDT MIỀN BẮC	04/6	1 447	14/6	NB 8077	CÁM 5A.1	2 350		2 350		PTCB	
4	CROMIT	04/6	1 448	14/6	TẤN PHÚC 01	CÁM 5B.1	3 250		3 250		PTCB	
5	KDT MIỀN BẮC	04/6	1 450	14/6	HP 5097	CÁM 6B.1	1 175		1 175		PTCB	
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
1	ĐTTM&DV	01/6	1 401	08/6	BN 1348	CUC 1B	600		600		TD	NGUỒN DH
2	CROMIT	04/6	1 449	14/6	HÙNG KHÁNH 10	CÁM 5A.1	4 700		4 700		PTCB	
<b>V</b>	<b>TÀU XUẤT KHẨU</b>						<b>64 300</b>	<b>15 734</b>	<b>48 566</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
1	INDONESIA	16/5	45/5/XK		MV HUAN YA 1	CUC 5B.2	18 000	15 734	2 266	RÓT DỖ		
2	THÁI LAN	29/5	47/5/XK		MV HOANG PHUONG LUCKY	CUC 4B.3	5 500		5 500			
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
1	THÁI LAN	29/5	48/5/XK		MV HOANG PHUONG STAR	CUC 4B.3	4 800		4 800			
2	INDONESIA	29/5	49/5/XK		MV TAN BINH 259	CUC 5B.2	25 000		25 000			
3	HÀN QUỐC	01/6	50/6/XK		MV SHENG WEI 2	CUC 4A.3	4 000		4 000			
4	ZIPDARKEST	04/6	51/6/XK		MV JING ZE	CÁM 1	2 000		2 000			
5	ĐÀI LOAN	04/6	52/6/XK		MV BAO HONG 10	CÁM 1	5 000		5 000			
<b>VI</b>	<b>TÀU NHẬP KHẨU</b>		<b>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</b>									
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											